

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức khối trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình năm 2012.

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 1096/SNV-QLCC ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế được giao của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1286/ SNV-QLCC ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Đề án xét tuyển viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo;

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hoà Bình Thông báo các nội dung sau:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện phỏng vấn:

- Danh sách thí sinh đủ điều kiện phỏng vấn xét tuyển dụng viên chức năm 2012 (theo phụ lục số 01).

- Danh sách thí sinh không đủ điều kiện phỏng vấn xét tuyển dụng viên chức năm 2012 (theo phụ lục số 02).

2. Bổ sung hồ sơ xét tuyển và phát hành tài liệu phục vụ phỏng vấn:

- Thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển viên chức năm 2012 khối trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình phải bổ sung Bản cam kết công tác lâu dài tại ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình (theo mẫu quy định).

- Tài liệu phục vụ phỏng vấn xét tuyển viên chức phát hành tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình.

3. Thời gian phát hành tài liệu phỏng vấn, bổ sung Bản cam kết và dự kiến thời gian phỏng vấn đối với thí sinh đủ điều kiện:

- Phát hành tài liệu phỏng vấn: Từ ngày 13/9/2012 đến hết ngày 24/9/2012 tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình trong giờ hành chính.

- Bản cam kết công tác lâu dài tại ngành GD&ĐT tỉnh Hòa Bình: Thí sinh đủ điều kiện dự tuyển phải trực tiếp ký và nộp Bản cam kết tại Phòng Tổ chức cán bộ Sở. (không nhận Bản cam kết gửi qua người khác hoặc gửi qua bưu điện).

- Dự kiến thời gian tổ chức phỏng vấn: Từ ngày 16/10/2012 (thời gian và địa điểm tổ chức phỏng vấn sẽ được thông báo cụ thể trên trang Website của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình; địa chỉ truy cập: <http://www.hoabinh.edu.vn>

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình Thông báo các nội dung nêu trên đến toàn thể các thí sinh đủ điều kiện xét tuyển viên chức năm 2012 khối trực thuộc Sở biết và thực hiện./. *HV*

Nơi nhận:

- Đài PT&TH tỉnh HB;
- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, TCCB.



Nguyễn Minh Thành

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SẮT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN VIÊN CHỨC.
KHỎI TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2012

I. THÍ SINH ĐANG KÝ XÉT TUYỂN DỰNG KHỎI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYNH VÀ LÊN XÃ

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo		Tốt nghiệp THPT loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành Đại học	Tổng điểm	Ghi chú
						Xã	huyện												
Mon Ngan van																			
1	Bùi Thị Bắc	12/12/1989	Nữ	Mường	Phủ Cường, Tân Lạc, HB	Phủ Cường	Tân Lạc	DT	DH	SP Văn-GD/CĐ	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,90	8,67		Nghệ Văn	165,70	
2	Bùi Thị Ngọc Bích	29/10/1989	Nữ	Mường	Phủ Lai, Yên Thủy, HB	TT Hàng Trám	Yên Thủy	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,59	7,75		Nghệ Văn	143,40	
3	Phạm Minh Cảnh	01/02/1988	Nam	Kinh	Bích Hòa, Thanh Hóa, Hà Nội	Đông Lai	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,01	8,00		Nghệ Văn	160,10	
4	Bùi Thị Chiêm	10/03/1983	Nữ	Mường	Sao Báy, Kim Bôi, HB	Sao Báy	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,86	7,50		Nghệ Văn	143,60	
5	Phạm Thị Dạch	18/11/1989	Nữ	Mường	Lỗ Sơn, Tân Lạc, HB	Lỗ Sơn	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,83	8,00		Nghệ Văn	158,30	
6	Bach Bach Duyên	14/02/1987	Nam	Mường	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	Vinh Tân	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội	TBKK	6,62	5,83		Nghệ Văn	124,50	
7	Bùi Thị Hồng Đào	17/08/1989	Nữ	Mường	Bình Chấn, Lạc Sơn, HB	Bình Chấn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Văn-GD/CĐ	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,22	8,50		Nghệ Văn	167,20	
8	Phạm Thị Giang	21/01/1988	Nữ	Kinh	Yên, Nam Định	Bảo Hiệu	Yên Thủy	DT	DH	SP Văn-GD/CĐ	CQ	DH Tây Bắc	TBKK	6,86	6,67		Nghệ Văn	135,30	
9	Nguyễn Thị Thanh Hải	01/03/1986	Nữ	Mường	Thịnh Lương, TP Hòa Bình, HB	Hà Nghi	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,13	7,25		Nghệ Văn	133,80	
10	Nguyễn Thị Thanh Hải	28/08/1989	Nữ	Mường	Thịnh Lương, TP Hòa Bình, HB	Hà Nghi	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,13	7,25		Nghệ Văn	133,80	
11	Phạm Thị Ngọc Hà	09/11/1988	Nữ	Kinh	Vinh Tường, Vĩnh Phúc	TT Bò	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội	TBKK	6,75	6,67		Nghệ Văn	134,20	
12	Bùi Thị Ngọc Hằng	17/02/1987	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Thị Tân	Cao Phong	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,27	8,00		Nghệ Văn	152,70	
13	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/10/1990	Nữ	Mường	Lương Sơn, Lương Sơn, HB	Lương Sơn	Lương Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,42	8,00		Nghệ Văn	152,70	
14	Vũ Thị Lan Hương	01/10/1986	Nữ	Kinh	Uyển Dương, Yên, Nam Định	Châm Mát	TP Hòa Bình	DT	DH	CN Văn học	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,43	7,00		Nghệ Văn	134,30	
15	Bùi Thị Thu Hương	20/11/1986	Nữ	Mường	Nhan Nghĩa, Lạc Sơn, HB	Nhan Nghĩa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,43	7,00		Nghệ Văn	134,30	
16	Quách Thị Hương	25/11/1987	Nữ	Mường	Ngọc Lương, Yên Thủy, HB	TT Hàng Trám	Yên Thủy	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	8,15	10,00		Nghệ Văn	175,70	
17	Phạm Thị Thu Hương	19/05/1990	Nữ	Kinh	Bích Hòa, Thanh Hóa, Hà Nội	Đông Lai	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,15	9,00		Nghệ Văn	171,50	
18	Nguyễn Thị Huệ	21/12/1988	Nữ	Kinh	Phủ Lai, Hà Đông, Hà Nội	Quỳ Hải	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,07	7,00		Nghệ Văn	130,70	
19	Bùi Thị Huệ	18/03/1986	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, HB	Liên Vũ	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Giỏi	8,08	8,67		Nghệ Văn	167,50	
20	Nguyễn Thị Hoàn	02/07/1989	Nữ	Kinh	Dại Bình, đống Hòa, Hà Nội	Mãn Đức	Tân Lạc	DT	DH	SP Văn-GD/CĐ	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,57	8,00		Nghệ Văn	155,70	
21	Bùi Thị Hoàn	19/07/1989	Nữ	Mường	Vinh Đông, Kim Bôi, HB	Vinh Đông	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,27	8,00		Nghệ Văn	152,70	
22	Bùi Thị Hoàn	24/06/1988	Nữ	Mường	Mãn Đức, Tân Lạc, HB	Mãn Đức	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Giỏi	8,15	9,00		Nghệ Văn	171,50	
23	Bùi Thị Hiền	02/04/1989	Nữ	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Vũ Lâm	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,80	7,80		Nghệ Văn	156,00	
24	Vũ Thị Hiền	20/12/1989	Nữ	Kinh	Tây Phong, Cao Phong, HB	Tây Phong	Cao Phong	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Giỏi	8,04	8,33		Nghệ Văn	163,70	
25	Bùi Văn Kiên	17/09/1985	Nam	Mường	Thương Bì, Kim Bôi, HB	Thương Bì	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	6,92	6,92		Nghệ Văn	138,40	
26	Nguyễn Phương Linh	20/12/1989	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, HB	Liên Vũ	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,56	6,00		Nghệ Văn	125,60	
27	Đinh Thị Loan	01/05/1988	Nữ	Mường	Tân Thành, Lương Sơn, HB	Kim Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,50	8,00		Nghệ Văn	135,00	
28	Nguyễn Thị Loan	16/06/1989	Nữ	Mường	Hữu Nghị, TP Hòa Bình, HB	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP-DHTN	TB	6,47	6,47		Nghệ Văn	129,40	
29	Bùi Thị Niêm	20/06/1990	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, HB	Liên Vũ	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,42	7,75		Nghệ Văn	151,70	
30	Bùi Thị Nhung	08/09/1989	Nữ	Mường	Trung Hòa, Tân Lạc, HB	Trung Hòa	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,27	8,50		Nghệ Văn	167,70	
31	Bùi Thị Nhung	03/05/1990	Nữ	Mường	Tân Lập, Lạc Sơn, HB	Tân Lập	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,80	8,33		Nghệ Văn	161,30	
32	Bùi Thị Nhung	20/08/1988	Nữ	Mường	Đo Nhân, Tân Lạc, HB	Đo Nhân	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,56	6,00		Nghệ Văn	125,60	
33	Đỗ Thị Anh Mai	18/02/1989	Nữ	Kinh	Đoan Thương,桂 Lai, Hải Dương	Hàng Trám	Yên Thủy	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP-DH TTNG	Khá	6,97	6,97		Nghệ Văn	139,40	
34	Nguyễn Thị Phương	10/04/1988	Nữ	Kinh	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trì	Yên Thủy	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,92	8,00		Nghệ Văn	159,20	
35	Bùi Thị Thu Phương Quyết	08/08/1988	Nữ	Mường	Kim Bình, Kim Bôi, HB	Kim Bình	Kim Bôi	DT	DH	SP Văn-GD/CĐ	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,19	8,00		Nghệ Văn	150,20	
36	Bùi Văn Sơn	05/05/1988	Nam	Mường	Yên Bàng, Lạc Thủy, HB	Thương Bì	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội	Khá	7,05	8,30		Nghệ Văn	153,50	
37	Nguyễn Thị Trang	20/06/1989	Nữ	Kinh	Phúc Khánh, Hưng Hà, Thái Bình	Mường Kiển	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP-DHTN	Khá	7,48	9,00		Nghệ Văn	164,80	
38	Phạm Thị Huyền Trang	13/06/1986	Nữ	Kinh	Đông Minh, Vĩnh Bắc, Hải Phòng	Nhan Nghĩa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội	TBKK	6,78	6,17		Nghệ Văn	129,50	
39	Đỗ Như Trang	10/07/1987	Nữ	Kinh	Hà Long, TP Nam Định, Nam Định	Tân Bình	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,79	10,00		Nghệ Văn	177,90	
40	Vũ Thị Thanh	14/06/1988	Nữ	Kinh	Trung Bì, Kim Bôi, HB	Trung Bì	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,63	7,75		Nghệ Văn	143,80	
41	Bùi Thị Thanh	15/06/1989	Nữ	Mường	Nhan Nghĩa, Lạc Sơn, HB	Đa Phúc	Yên Thủy	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,50	8,00		Nghệ Văn	155,00	
42	Quách Thị Thu Thảo	26/07/1987	Nữ	Mường	Thủy Văn, Thái Thủy, Thái Bình	Dan Hòa	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Văn-GD/CĐ	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,20	8,17		Nghệ Văn	153,70	
43	Nguyễn Thị Thu Thảo	02/10/1988	Nữ	Kinh	Hòa Sơn, Lương Sơn, HB	Hòa Sơn	Lương Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	TBKK	6,68	6,50		Nghệ Văn	167,90	
44	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/07/1983	Nữ	Mường	Lương Văn, Tân Lạc, HB	Lương Văn	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Giỏi	8,05	8,33		Nghệ Văn	131,80	
45	Đinh Thị Thu Thảo	26/03/1989	Nữ	Mường	Gia Thủy, Nho Quan, Ninh Bình	Yên Trì	Yên Thủy	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,38	10,00		Nghệ Văn	173,80	
46	Hương Thị Thu Thảo	08/03/1988	Nữ	Kinh	Ngọc Mỹ, Tân Lạc, HB	Đông Lai	Tân Lạc	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,63	7,00		Nghệ Văn	135,10	
47	Bùi Thị Thu Thảo	16/03/1987	Nữ	Mường	Nhan Nghĩa, Lạc Sơn, HB	Nhan Nghĩa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DHSP Hà Nội 2	TBKK	6,51	7,00		Nghệ Văn	135,10	
48	Nguyễn Thị Thu Thảo	13/07/1987	Nữ	Kinh	Toàn Sơn, Đà Bắc, HB	Tứ Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Nghệ Văn	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,03	8,00		Nghệ Văn	160,30	
49	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/01/1990	Nữ	Dao				DT	DH		CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,03	8,00		Nghệ Văn	160,30	
50	Trần Thị Thu Thảo	26/01/1990	Nữ	Dao				DT	DH		CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,03	8,00		Nghệ Văn	160,30	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Họ và tên		Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hết hạn đào tạo	Tương đương đào tạo		Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành đăng ký	Tổng điểm	Ghi chú
						Xã	huyện												
Mon Lịch sử																			
1	Nguyễn Văn Anh	28/07/1990	Nữ	Kinh	TT Kỳ Sơn, Kỳ Sơn, HB	Thái Bình	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,73	8,67	Lịch Sử	164,00	
2	Bùi Kiều Anh	05/08/1989	Nữ	Mường	Nhà Phông, Nhà Quan, Ninh Bình	Vũ Bản	Lạc Sơn	DT	DH	CN Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội 2		Khả	8,20	9,90	Lịch Sử	181,00	Khả luận
3	Xa Thị Chinh	16/02/1987	Nữ	Tây	Đoàn Kết, Đà Bắc, HB	Đa Bắc	Đa Bắc	Con TB+DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,98	8,00	Lịch Sử	149,80	
4	Bùi Thị Diệu	10/12/1988	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,00	9,00	Lịch Sử	170,00	
5	Bùi Thị Diệu	10/02/1990	Nữ	Mường	Ngoài Mỹ, Tân Lạc, HB	Ngoài Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,97	8,67	Lịch Sử	166,40	
6	Đào Thị Dung	26/04/1990	Nữ	Đào	Toàn Sơn, Đà Bắc, HB	Toàn Sơn	Đa Bắc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,25	8,67	Lịch Sử	169,20	
7	Bùi Thị Dung	01/02/1987	Nữ	Mường	Đa Sơn, Kim Bôi, HB	Đa Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHGD-DHOGHN		Khả	6,69	6,69	Lịch Sử	133,80	Tin chỉ
8	Lê Thị Hòa	11/05/1990	Nữ	Mường	Yên Thi, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Thi	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,58	8,45	Lịch Sử	160,30	Khả luận
9	Trần Thị Hòa	20/12/1988	Nữ	Kinh	Đông Sơn, Nam Trục, Nam Định	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,65	8,85	Lịch Sử	165,00	Khả luận
10	Nguyễn Thị Hòa	21/03/1989	Nữ	Kinh	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	Đông Lai	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,48	7,48	Lịch Sử	149,60	Tin chỉ
11	Bùi Thị Huệ	01/01/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,82	9,00	Lịch Sử	168,20	
12	Bùi Thị Huệ	07/05/1986	Nữ	Mường	Phủ Lai, Yên Thủy, HB	Phủ Lai	Yên Thủy	DT	DH	CN Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội II		Khả	7,21	8,50	Lịch Sử	157,10	
13	Quách Thị Huệ	29/12/1986	Nữ	Mường	Bào Hưu, Yên Thủy, HB	Lạc Hưu	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,79	7,67	Lịch Sử	144,60	
14	Trần Thị Huệ	28/05/1989	Nữ	Kinh	Bảo Khánh, Vũ Bản, Nam Định	Xuất Hóa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,93	10,00	Lịch Sử	179,60	Khả luận
15	Đinh Thị Huệ	02/09/1989	Nữ	Mường	Vĩnh Tiến, Kim Bôi, HB	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,66	9,00	Lịch Sử	166,60	
16	Bùi Thị Huệ	17/02/1986	Nữ	Mường	Yên Thi, Yên Thủy, Hòa Bình	Quỳ Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,68	6,67	Lịch Sử	133,50	
17	Bùi Thị Huệ	09/07/1987	Nữ	Mường	Quỳ Mỹ, Tân Lạc, HB	Quỳ Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,58	9,00	Lịch Sử	165,50	
18	Bùi Thị Huệ	10/12/1987	Nữ	Mường	Liên Vụ, Lạc Sơn, HB	Liên Vụ	Lạc Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,66	7,66	Lịch Sử	138,60	
19	Bách Như Huệ	05/09/1987	Nữ	Mường	Tứ Sơn, Kim Bôi, HB	Tứ Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHGD-DHOGHN		Khả	7,65	7,65	Lịch Sử	153,20	
20	Kiều Thị Huệ	19/09/1988	Nữ	Kinh	Đa Đông, Thạch Thải, Hà Nội	Vinh Tiến	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	8,22	8,50	Lịch Sử	167,20	Khả luận
21	Nguyễn Thị Huệ	15/04/1987	Nữ	Mường	Tiền Xán, Lương Sơn, HB	Nam Định	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,22	8,50	Lịch Sử	167,20	Khả luận
22	Hà Thị Huệ	14/05/1989	Nữ	Kinh	Bên Giang, Thanh Oai, Hà Nội	Hình Nghi	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,85	8,95	Lịch Sử	168,00	Khả luận
23	Bùi Thị Huệ	15/07/1989	Nữ	Mường	Nam Định, Kim Bôi	Nam Định	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,35	8,67	Lịch Sử	170,20	
24	Phạm Thị Huệ	21/11/1989	Nữ	Kinh	Yên, Nam Định	Yên Lạc	Yên Thủy	DT	DH	CN Lịch Sử	CQ	DH Khoa học TN&M		Khả	7,36	8,67	Lịch Sử	160,30	
25	Đinh Thị Huệ	29/11/1984	Nữ	Kinh	Thương Hòa, Ninh Quan, Ninh Bình	Ngoài Lương	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,74	6,67	Lịch Sử	134,10	
26	Phạm Thị Huệ	05/05/1988	Nữ	Kinh	Hòa Bắc, Duy Tiên, Hà Nam	Châm Mai	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,65	8,33	Lịch Sử	150,10	
27	Ngoài Lương Huệ	13/02/1989	Nữ	Kinh	Phủ Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	Mường Kiêu	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	8,04	9,00	Lịch Sử	157,30	
28	Vũ Thị Huệ	20/11/1990	Nữ	Kinh	Như Giang, Hòa Lạc, Ninh Bình	Yên Thi	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,24	9,00	Lịch Sử	172,40	Khả luận
29	Phạm Thị Huệ	28/07/1989	Nữ	Đào	Bà Vì, Bà Vì, Hà Tây	Thống Nhất	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,55	9,00	Lịch Sử	175,50	Khả luận
30	Nguyễn Huệ	18/06/1986	Nữ	Kinh	Xích Thổ, Ninh Quan, Ninh Bình	Yên Bông	Lạc Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	8,74	8,67	Lịch Sử	174,10	
31	Bùi Thị Huệ	31/07/1990	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,01	9,00	Lịch Sử	170,10	
32	Vũ Thị Huệ	11/11/1986	Nữ	Kinh	Hồng Tiến, Kiên Xương, Thái Bình	Sao Bấy	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,67	8,67	Lịch Sử	173,40	
33	Trần Đình Huệ	28/06/1989	Nữ	Kinh	Lạc Thủy, Yên Thủy, HB	Yên Thủy	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,57	8,33	Lịch Sử	159,00	
34	Nguyễn Đức Huệ	06/12/1990	Nữ	Kinh	Yên Giang, Yên Yên, Nam Định	TT Hàng Trám	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,18	7,67	Lịch Sử	148,50	
Mon Địa Lý																			
1	Bùi Thị Thủy An	24/10/1988	Nữ	Mường	Yên Nét, Lạc Sơn, HB	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,67	7,67	Địa Lý	153,40	
2	Quách Thị An	04/11/1987	Nữ	Mường	Đông Môn, Lạc Thủy, HB	Đông Môn	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,80	9,00	Địa Lý	168,00	Khả luận
3	Phạm Thanh An	27/08/1990	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vũ Bản, Nam Định	Ngoài Lương	Tân Lạc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,53	8,33	Địa Lý	158,60	
4	Đinh Thị Hồng An	28/09/1989	Nữ	Mường	Hợp Thành, Kỳ Sơn, HB	Hợp Thành	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,25	9,00	Địa Lý	172,50	Khả luận
5	Trần Thị An	07/03/1989	Nữ	Đào	Bình Sơn, Kim Bôi, HB	Bình Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,67	7,67	Địa Lý	153,40	
6	Bùi Văn An	07/07/1988	Nữ	Mường	Chợ Thôn, Lạc Sơn, HB	Chợ Thôn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,12	6,50	Địa Lý	136,20	
7	Lê Thị Kim An	11/09/1990	Nữ	Kinh	Độc Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Dân Hòa	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,83	7,83	Địa Lý	156,60	Tin chỉ
8	Nguyễn Thị An	20/07/1989	Nữ	Kinh	Lạc Văn, Ninh Quan, Ninh Bình	Ngoài Lương	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,81	8,33	Địa Lý	161,40	
9	Phạm Thị An	16/11/1988	Nữ	Kinh	Tứ Sơn, Kim Bôi, HB	Tứ Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,60	8,00	Địa Lý	156,00	
10	Hà Quang An	31/10/1985	Nữ	Tây	Tu Lộ, Đà Bắc, HB	Tu Lộ	Đa Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,06	8,00	Địa Lý	150,60	
11	Trần Minh An	08/10/1988	Nữ	Kinh	Yên Giang, Yên Yên, Nam Định	TT Đà Bắc	Đa Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,53	7,33	Địa Lý	138,60	Khả luận
12	Mường An	26/07/1989	Nữ	Mường	Lê Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Hợp Kim	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	8,01	9,00	Địa Lý	170,10	
13	Hà Thị An	07/03/1987	Nữ	Kinh	Phong Phú, Thái Thủy, Thái Bình	Thịnh Lương	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,03	7,17	Địa Lý	142,00	
14	Hà Thị An	24/08/1987	Nữ	Thái	Xâm Khoe, Mai Châu, HB	Nam Khoe	Mai Châu	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,48	8,33	Địa Lý	148,10	
15	Bản Văn An	22/03/1985	Nữ	Đào	Văn Núi, Đà Bắc, HB	Củ Sơn	Đa Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,47	8,00	Địa Lý	154,20	
16	Nguyễn Trung An	17/09/1989	Nữ	Mường	Ngoài Lương, Yên Thủy, HB	Ngoài Lương	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,93	6,93	Địa Lý	138,60	Tin chỉ
17	Nguyễn Thị Mai An	01/07/1986	Nữ	Kinh	Trương Yên, Hòa Lạc, Ninh Bình	TT Chu Nê	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,43	7,00	Địa Lý	134,30	
18	Nguyễn Thủy An	26/02/1987	Nữ	Kinh	Lạc Sơn, Hải Hưng	Cổ Nê	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,81	6,33	Địa Lý	131,40	
19	Bùi Văn An	01/04/1989	Nữ	Mường	Tứ Sơn, Kim Bôi, HB	Tứ Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,85	8,33	Địa Lý	161,80	
20	Bùi Thanh An	23/07/1989	Nữ	Kinh	TT Vũ Bản, Lạc Sơn, HB	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,00	7,00	Địa Lý	140,00	
21	Bùi Thị An	16/07/1987	Nữ	Mường	Trang Bì, Kim Bôi, HB	Trang Bì	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,14	8,50	Địa Lý	166,40	Khả luận
22	Bùi Thị An	16/11/1988	Nữ	Mường	Liên Vụ, Lạc Sơn, HB	Liên Vụ	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	8,03	9,33	Địa Lý	173,60	
23	Đào Thị An	10/07/1986	Nữ	Kinh	Gia Tân, Gia Viên, Ninh Bình	TT Bà	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	7,15	7,33	Địa Lý	144,80	
24	Bùi Thị An	16/04/1985	Nữ	Mường	Yên Phú, Lạc Sơn, HB	Bào Hưu	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	6,63	7,67	Địa Lý	143,80	
25	Bùi Thị An	27/01/1990	Nữ	Mường	Sơn Thủy, Kim Bôi, HB	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội		Khả	8,46	9,00	Địa Lý	174,60	Khả luận
26	Quách Thị An	30/09/1990	Nữ	Mường	Thương Bì, Kim Bôi, HB	Thương Bì	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khả	7,62	7,67	Địa Lý	152,90	
27	Bùi Thị An	04/08/1987	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,13	7,13	Địa Lý	142,60	Tin chỉ
28	Đinh Thị An	28/09/1989	Nữ	Mường	Lâm Sơn, Lương Sơn, HB	Lâm Sơn	Lương Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN		Khả	7,86	8,00			

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Diện tích	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tổng nghiệp vụ	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành Đăng ký	Tổng điểm	Ghi chú
						Xã	huyện											
33	Nguyễn Thị Quynh	12/10/1987	Nữ	Kinh	Hợp Thịnh, Kỳ Sơn, HB	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	6,26	6,33		Địa lý	125,90	
34	Nguyễn Thị Ngọc Quynh	20/10/1990	Nữ	Mường	Đào Hà, Kỳ Sơn, HB	Đào Hà	Kỳ Sơn	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,90	8,00		Địa lý	159,00	
35	Nguyễn Thị Thảo	14/10/1986	Nữ	Kinh	Yên Lạc, Yên Lạc, HB	Yên Lạc	Yên Lạc	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,35	7,75		Địa lý	151,00	Không luận
36	Nguyễn Thị Thái	01/08/1988	Nữ	Thái	Ngũ Lương, Mai Châu, HB	Ngũ Lương	Mai Châu	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,40	8,00		Địa lý	157,00	
37	Bùi Văn Thuận	18/01/1988	Nam	Mường	Lạc Sơn, Yên Thủy, HB	Lạc Sơn	Yên Thủy	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,42	7,20		Địa lý	144,20	
38	Bùi Thị Cẩm Tú	22/08/1988	Nữ	Mường	Sơn Thủy, Kim Bôi, HB	Sơn Thủy	Kim Bôi	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,60	8,33		Địa lý	150,20	
39	Trần Văn Tiến	07/03/1989	Nam	Kinh	Yên Trĩ, Yên Thủy, HB	Yên Trĩ	Yên Thủy	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,86	8,00		Địa lý	158,60	
40	Bùi Thị Cẩm Tú	25/03/1988	Nữ	Mường	Có Nét, Lạc Thủy, HB	Có Nét	Lạc Thủy	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,75	9,00		Địa lý	167,50	
41	Trần Xuân Tuấn	01/07/1985	Nam	Kinh	Ái Tân, Mỹ Đức, Hà Nội	Thị trấn	Lạc Thủy	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	6,98	7,00		Địa lý	139,80	
42	Mai Thị Tuyền	26/05/1988	Nữ	Kinh	Thị trấn B, Kim Bôi, HB	Thị trấn	Kim Bôi	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	6,71	7,50		Địa lý	142,10	Tin chỉ
43	Nguyễn Thị Vân	18/06/1987	Nữ	Kinh	Vĩnh Tiến, Kim Bôi, HB	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,08	7,08		Địa lý	141,60	Tin chỉ
44	Bùi Thị Cẩm Tú	17/10/1989	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, HB	Liên Vũ	Lạc Sơn	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,57	8,00		Địa lý	155,70	Không luận
45	Nguyễn Thị Hải Yến	27/08/1987	Nữ	Mường	Dan Hà, Kỳ Sơn, HB	Dan Hà	Kỳ Sơn	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	7,57	8,00		Địa lý	155,70	Không luận
46	Lê Thị Hoàng Yến	26/10/1989	Nữ	Mường	Hùng Châu, Hùng Yên, Nghệ An	Hùng Sơn	Lương Sơn	DH	DH	SP Địa lý	DHSP-DHITN	TBK	6,77	6,77		Địa lý	135,40	Tin chỉ
IV Môn Tiếng Anh																		
1	Nguyễn Thị Hiền	21/07/1988	Nữ	Kinh	Kim Bôi, HB	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Tiếng Anh	SP Tiếng Anh	TBK	8,22	8,75		Tiếng Anh	169,70	
2	Nguyễn Thị Phương	10/01/1988	Nữ	Kinh	Nam Trục, Nam Định	Phước Lâm	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Tiếng Anh	SP Tiếng Anh	TBK	7,51	7,67		Tiếng Anh	151,80	
V Giáo dục công dân																		
1	Đinh Thị Diệu	17/01/1985	Nữ	Mường	Viet Quang, Lương Sơn, HB	Yên Mông	TP Hòa Bình	DH	DH	SP GDCD	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,28	9,00		GDCD	162,80	
2	Xa Thị Phương	15/05/1985	Nữ	Mường	Hiền Lương, Đà Bắc, HB	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DH	DH	SP GDCD	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,79	9,90		GDCD	176,90	Không luận
3	Bùi Bích Thảo	30/10/1987	Nữ	Mường	Phước Phúc, Tân Lạc, HB	Quý Hào	Tân Lạc	DH	DH	SP GDCD	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,82	9,50		GDCD	163,20	
4	Hoàng Thị Hồng Vân	18/10/1988	Nữ	Mường	Lam Sơn, Lương Sơn, HB	Lam Sơn	Lương Sơn	DH	DH	SP GDCD	DHSP-DHITN	TBK	7,12	7,12		GDCD	142,40	Tin chỉ
VI Môn Toán																		
1	Bùi Thanh Dũng	29/01/1989	Nữ	Mường	Yên Trĩ, Yên Thủy, HB	Yên Trĩ	Yên Thủy	DH	DH	SP Toán	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,80	8,00		Toán	148,00	
2	Nguyễn Thị Kim	14/09/1989	Nữ	Kinh	Phù Cầu, ứng Hòa, Hà Nội	Đông Tiến	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Toán	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,20	6,50		Toán	127,00	
3	Nguyễn Thị Duyên	27/09/1989	Nam	Mường	Thái Bình, TP Hòa Bình, HB	Thái Bình	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Toán	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,52	6,67		Toán	131,90	
4	Bùi Thị Thu Huyền	04/10/1989	Nữ	Kinh	Khuất Trung, Kim Sơn, Ninh Bình	Ái Nghĩa	Lạc Sơn	DH	DH	SP Toán	DHSP-DHITN	TBK	7,19	7,00		Toán	141,90	
5	Bùi Thị Thu Huyền	12/08/1988	Nữ	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, HB	Ngọc Lâu	Lạc Sơn	DH	DH	SP Toán	DHSP-DHITN	TBK	7,33	7,67		Toán	150,00	
6	Trần Mạnh Toàn	12/11/1989	Nam	Mường	Phù Lạc, Lạc Thủy, HB	Có Nét	Lạc Thủy	DH	DH	SP Toán	DHSP-Hà Nội II	TBK	8,04	6,75		Toán	133,90	
7	Vũ Thị Liên	30/07/1990	Nữ	Kinh	Ái Tân, Lạc Thủy, HB	Ái Tân	Lạc Thủy	DH	DH	SP Toán	DHSP-Hà Nội II	TBK	8,04	9,00		Toán	170,40	
8	Hà Văn Liên	14/04/1988	Nam	Tây	Tân Phong, Đà Bắc, HB	Tân Phong	Đà Bắc	DH	DH	SP Toán	DHSP-DHITN	TBK	6,63	6,63		Toán	132,60	Tin chỉ
VII Môn Sinh học																		
1	Nguyễn Thị Thu Hồng	03/07/1989	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vũ Bản, Nam Định	Mường Kênh	Tân Lạc	DH	DH	CN Sinh	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,28	6,25		Sinh học	125,30	
2	Dương Việt Linh	27/11/1989	Nữ	Kinh	Kim Chính, Kim Sơn, Ninh Bình	Từ Ng	Tân Lạc	DH	DH	SP Sinh-Hoa	DHSP-Hà Nội II	TBK	8,21	9,00		Sinh học	172,10	
3	Đinh Thị Mai Nhung	04/11/1990	Nữ	Mường	Xà Hòa Bình, TP Hòa Bình, HB	Tân Hòa	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Sinh	DHSP-DHITN	TBK	7,18	7,18		Sinh học	143,60	Tin chỉ
4	Nguyễn Thị Mào	18/09/1987	Nữ	Kinh	Thạch Xá, Thạch Thái, Hà Nội	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DH	DH	SP Sinh	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,75	6,53		Sinh học	130,80	
5	Bùi Đức Mào	16/01/1988	Nam	Mường	Đông Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	Đông Lai	Tân Lạc	DH	DH	SP Sinh	DHSP-Tây Bắc	TBK	7,12	6,67		Sinh học	137,90	
VIII Công nghệ																		
1	Bùi Văn Kỳ	05/09/1984	Nam	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DH	DH	SP Kỹ thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,16	7,50		Công nghệ	146,60	
IX Môn Âm nhạc																		
1	Đặng Thị Thủy Dung	04/11/1985	Nữ	Kinh	Hòa Lâm, ứng Hòa, Hà Nội	Phước Lâm	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,75	8,50		Âm nhạc	162,50	
2	Nguyễn Thị Dương	06/11/1986	Nữ	Kinh	Yên Bông, Lạc Thủy, HB	Yên Bông	Lạc Thủy	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,48	6,80		Âm nhạc	132,80	
3	Bùi Văn Đào	09/09/1990	Nam	Mường	Dù Sàng, Kim Bôi, HB	Dù Sàng	Kim Bôi	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,96	8,67		Âm nhạc	156,30	
4	Nguyễn Thị Hiền	10/08/1986	Nữ	Kinh	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	Mỹ Hòa	Kim Bôi	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,97	7,67		Âm nhạc	146,40	
5	Đào Quang Huy	14/12/1986	Nam	Kinh	Yên Lạc, Yên Yên, Nam Định	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,89	8,67		Âm nhạc	165,60	
6	Bùi Thị Huệ	15/12/1987	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, HB	Kim Bôi	Kim Bôi	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,91	8,67		Âm nhạc	155,80	
7	Nguyễn Thị Linh	08/04/1990	Nữ	Kinh	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Tây	Tân Thịnh	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,00	8,53		Âm nhạc	158,30	
8	Quách Thị Phương	07/06/1987	Nữ	Mường	Đông Ruộng, Đà Bắc, HB	Đông Ruộng	Đà Bắc	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,37	8,33		Âm nhạc	157,00	
9	Nguyễn Thị Sơn	27/09/1989	Nam	Kinh	Xuân Trường, Nam Định	Tây Phong	Mai Châu	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,27	8,33		Âm nhạc	156,00	
10	Trần Thị Sơn	18/01/1991	Nữ	Kinh	Trần Đông, Bình Lạc, Hà Nam	Tân Lập	Lạc Sơn	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	8,00	8,53		Âm nhạc	163,30	
11	Bùi Văn Mương	18/04/1984	Nam	Mường	Tân Lập, Lạc Sơn, HB	Tân Lập	Lạc Sơn	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,28	7,33		Âm nhạc	156,10	
12	Nguyễn Hương Thảo	25/11/1986	Nữ	Kinh	Gia Phương, Gia Viễn, Ninh Bình	TT B	Kim Bôi	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,48	8,67		Âm nhạc	161,50	
13	Bùi Đức Mào	21/11/1990	Nam	Mường	Dù Sàng, Kim Bôi, HB	Dù Sàng	Kim Bôi	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,79	7,13		Âm nhạc	139,20	
14	Nguyễn Thị Hiền Thu	23/02/1991	Nữ	Kinh	Khương Du, Lạc Thủy, HB	Khương Du	Lạc Thủy	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,85	7,67		Âm nhạc	155,20	
15	Nguyễn Thanh Tuấn	09/10/1989	Nam	Mường	Diễn Ngọc, Diễn Châu, Nghệ An	Quý Hào	Lạc Thủy	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	5,92	6,00		Âm nhạc	119,20	
16	Vũ Văn Tuấn	13/12/1987	Nam	Kinh	Phú Thành, Lạc Thủy, HB	Phú Thành	Lạc Thủy	DH	DH	SP Âm nhạc	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,35	8,00		Âm nhạc	153,50	
X Môn Mỹ Thuật																		
1	Đinh Văn Bình	23/12/1986	Nam	Kinh	Hòa Nam, ứng Hòa, Hà Nội	Thượng Nhái	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	8,05	9,70		Mỹ Thuật	177,50	
2	Bùi Văn Mương	14/02/1985	Nam	Mường	Phù Lạc, Lạc Thủy, HB	Phù Lạc	Lạc Thủy	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,90	7,17		Mỹ Thuật	140,70	
3	Vũ Văn Dũng	17/01/1986	Nam	Thái	Mai Hích, Mai Châu, HB	Mai Hích	Mai Châu	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	7,63	8,53		Mỹ Thuật	164,60	
4	Lê Thanh Huyền	25/09/1988	Nữ	Kinh	Phù Lạc, Lạc Thủy, HB	Có Nét	Lạc Thủy	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,32	7,17		Mỹ Thuật	154,90	
5	Bùi Văn Mương	18/02/1988	Nam	Mường	Ái Nghĩa, Yên Thủy, HB	Phù Lạc	Lạc Thủy	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,33	6,33		Mỹ Thuật	131,70	
6	Bùi Văn Mương	12/09/1988	Nam	Mường	Lạc Hùng, Yên Thủy, HB	Lạc Hùng	Yên Thủy	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,68	8,17		Mỹ Thuật	148,50	
7	Nguyễn Thị Thái	26/11/1990	Nữ	Kinh	Nà Mèo, Mai Châu, HB	Nà Mèo	Mai Châu	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,75	7,00		Mỹ Thuật	137,50	
8	Trần Thị Thuận	17/08/1989	Nữ	Kinh	Đông Nam, Đông Sơn, Thanh Hóa	TT Hạng Trạng	Yên Thủy	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,75	7,00		Mỹ Thuật	137,90	
9	Đào Công Việt	01/01/1986	Nam	Kinh	Chú Minh, Ba Vì, Hà Nội	Tu Lễ	Đà Bắc	DH	DH	SP Mỹ Thuật	DHSP-Hà Nội II	TBK	6,79	7,00		Mỹ Thuật	137,90	

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN DỰNG VIÊN CHỨC
KHỎI TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2012

(Kèm theo Thông báo số 1750/TB-SGD&ĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở GD&ĐT tỉnh Hòa Bình)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Họ Khẩu		Diện an tên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TRTN	Ngành Đang ký	Tổng điểm	Ghi chú	
						Xã	huyện												
I. Thí sinh đang kỳ xét tuyển dùng khối các Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện và liên xã																			
I	Môn Âm nhạc	I																	
1	Lê Anh Tuấn	19/05/1986	Nam	Kinh	Cầm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TT Múi Châu	Múi Châu		CD	Nhạc cụ	CQ	Đại học VHNT Quân đội	Giỏi					Không dùng chuyên ngành	
I. Thí sinh đang kỳ xét tuyển dùng khối các Trường Trung học Phổ thông																			
II	Môn Tiếng Anh	2																	
2	Bùi Thị Lan Hương	24/05/1984	Nữ	Mường	Tân Lập, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Lập	Lạc Sơn		DH	SP Tiếng Anh	CQ	ĐHSP Hà Nội			0,00	Tiếng Anh	0,00	Chưa xác định được điểm	
III	Môn Tin học	2																	
3	Đặng Thủy Hằng	29/10/1985	Nữ	Kinh	Mỹ Thuận, Cái Bè, Tiền Giang	TT Lương Sơn	Lương Sơn		DH	Khoa học máy tính	CQ	DH Kinh tế Quốc dân	Khá					Không dùng chuyên ngành	
4	Bùi Anh Xuân	28/7/1987	Nam	Mường	Đông Bắc, Kim Bôi, Hòa Bình	Tu Sơn	Kim Bôi		DH	Tin học LTD	TC	ĐHSP KT Nam Định	TB khá	6,82	9,00	Tin	1,58,20	Chưa có bằng tốt nghiệp	
VI	Môn Công nghệ																		
5	Nguyễn Minh Xuân	25/08/1984	Nam	Kinh	Yên Bông, Lạc Thủy, Hòa Bình	Yên Bông	Lạc Thủy		Cm TB	DH	Trang trại	CQ	ĐHNL-ĐH Thái Nguyên	Giỏi	8,23	8,23	Công Nghệ	164,60	Tin chi